200 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG CÓ ĐÁP ÁN

Câu	Câu hỏi	Phương án A	Phương án B	Phương án C	Phương án D	Đáp án
1	Thế nào là nguồn vốn của NHTM?	Là toàn bộ nguồn tiền tệ được NHTM tạo lập để cho vay, kinh doanh.	Là toàn bộ nguồn tiền tệ được NHTM tạo lập để đầu tư, kinh doanh chứng khoán.	Là toàn bộ nguồn tiền tệ được NHTM tạo lập để cho vay và đầu tư.	Là toàn bộ nguồn tiền tệ được NHTM tạo lập để cho vay, đầu tư và thực hiện các dịch vụ ngân hàng.	D
2	Vốn chủ sở hữu của NHTM là gì?	Là nguồn vốn mà chủ NHTM phải có để bắt đầu hoạt động	Là nguồn vốn do các chủ NHTM đóng góp.	Là nguồn vốn thuộc sở hữu của NHTM.	Là nguồn vốn do nhà nước cấp.	C
3	Nguồn từ các quỹ được coi là vốn chủ sở hữu bao gồm những khoản nào?	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ khấu hao cơ bản.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, các quỹ khác.	Quỹ dự trữ vốn điều lệ, quỹ khen thưởng.	Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khấu hao sửa chữa lớn, quỹ khen thưởng.	B
4	Các tài sản nợ khác được coi là vốn chủ sở hữu gồm những nguồn nào?	Vốn đầu tư mua sắm do nhà nước cấp nếu có; vốn tài trợ từ các nguồn.	Vốn đầu tư mua sắm do nhà nước cấp nếu có. Các khoản chênh lệnh do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá; các loại cổ phần do các cổ đông góp thêm.	Vốn đầu tư mua sắm do nhà nước cấp nếu có. Các khoản chênh lệnh do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá, lợi nhuận được để lại chưa phân bổ cho các quỹ.	Các khoản chênh lệnh do đánh giá lại tài sản, lợi nhuận được để lại chưa phân bổ cho các quỹ.	C
5	Vốn huy động của NHTM gồm những loại nào?	Tiền gửi, vốn vay các tổ chức tín dụng khác và NHTM; vốn vay trên thị trường vốn,	Tiền gửi, vốn vay NHTM; vay ngân sách nhà nước; vốn được ngân sách cấp bổ sung.	Tiền gửi, vốn vay các tổ chức tín dụng khác; ngân sách nhà nước cấp hàng năm.	Tiền gửi, vốn vay NHTM; vốn vay ngân sách, nguồn vốn khác.	A

		nguồn vốn khác.				
6	Vốn huy động từ tiền gửi bao gồm những bộ phận nào?	Tiền gửi thanh toán (tiền gửi không kỳ hạn), tiền gửi có kỳ hạn, tiền đi vay NHTM	Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền vay TCTD khác.	Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi khác.	Tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi khác.	C
7	Tại sao phải quản lý nguồn vốn?	Khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. Đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của NHTM để có vốn nộp lợi nhuận, thuế cho nhà nước.	Khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. Đảm bảo nguồn vốn NHTM tăng trưởng bền vững, đáp ứng kịp thời, đầy đủ về thời gian, lãi suất thích hợp. Đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của NHTM và nâng cao hiệu quả kinh doanh.	Đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của NHTM và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đảm bảo nguồn vốn NHTM tăng trưởng bền vững, đáp ứng kịp thời, đầy đủ về thời gian lãi suất thích hợp.	Khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. Đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của NHTM và nâng cao hiệu quả kinh doanh.	B
8	Quản lý vốn chủ sở hữu gồm những nội dung gì?	Xác định vốn chủ sở hữu trong quan hệ với tổng tài sản có; xác định vốn chủ sở hữu trong quan hệ với tài sản có có rủi ro; xác định vốn CSH trong mối liên hệ với các nhân tố khác.	Xác định vốn chủ sở hữu trong quan hệ với tổng tài sản; xác định vốn chủ sở hữu với vốn cho vay;	Xác định vốn chủ sở hữu trong quan hệ với tổng tài sản; xác định vốn CSH trong mối liên hệ với các nhân tố khác.	Xác định vốn chủ sở hữu trong quan hệ với tài sản rủi ro. Xác định vốn CSH trong mối liên hệ với các nhân tố khác; xác định vốn chủ sở hữu với quan hệ bảo lãnh, cho thuê tài chính.	A
9	Phát biểu nào dưới đây về quản lý vốn huy động là đúng nhất?	Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả.	Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả, quản lý kỳ hạn, phân tích tính thanh khoản của nguồn vốn.	Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả, quản lý kỳ hạn.	Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả, quản lý kỳ hạn, phân tích tính thanh khoản của nguồn vốn; xác định	D

					nguồn vốn dành cho dự trữ.	
10	Nội dung của khái niệm tín dụng nào dưới đây là chính xác nhất?	Chuyển nhượng tạm thời 1 lượng giá trị	Chuyển nhượng tạm thời 1 lượng giá trị, thời hạn chuyển nhượng	Chuyển nhượng tạm thời 1 lượng giá trị, tính hoàn trả.	Chuyển nhượng quyền sử dụng tạm thời 1 lượng giá trị, thời hạn chuyển nhượng, tính hoàn trả.	D
11	Theo quy định hiện hành ở Vệt Nam, đối tượng cho vay của tín dụng ngân hàng là gì?	Là tất cả các nhu cầu vay vốn của nền kinh tế - xã hội	Là nhu cầu vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn của nền kinh tế – xã hội	Là những nhu cầu vay vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật	Là nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức xã hội.	C
12	Tổ chức tín dụng không được cho vay vốn những nhu cầu nào?	Nhu cầu mua sắm tài sản và chi phí hình thành nên tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi.	Nhu cầu thanh toán các chi phí, thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm.	A và những đối tượng kinh doanh xét thấy không có lợi nhuận lớn.	Nhu cầu tài chính để giao dịch mà pháp luật cấm; nhu cầu thanh toán các chi phí, thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm và A.	D
13	Tín dụng ngân hàng có những nguyên tắc nào?	Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận và có tài sản đảm bảo cho vốn vay.	Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận; tiền vay hoàn trả đúng hạn cả gốc và lãi	Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận, có tài sản làm đảm bảo, trả nợ đúng hạn.	Tiền vay sử dụng đúng mục đích đã thoả thuận, có tài sản làm đảm bảo, trả đúng hạn cả gốc và lãi.	B
14	Điều kiện vay vốn gồm những nội dung nào?	Địa vị pháp lý của những khách hàng vay vốn; có tài sản cầm cố, thế chấp có giá trị lớn.	Khách hàng có phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, có hiệu quả.	Khách hàng vay thực hiện đảm bảo tiền vay theo quy định; địa vị pháp lý của khách hàng vay; sử dụng vốn vay hợp pháp	Khách hàng phải có tài sản đảm bảo tiền vay theo quy định; có vốn tự có lớn.	C
15	Thế nào là cho vay đảm bảo bằng tài sản?	Là việc cho vay vốn của TCTD mà khách hàng vay	A và tài sản hình thành từ vốn vay; tài sản cầm cố	Là việc cho vay vốn của TCTD mà khách hàng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay.	D

		phải cam kết đảm bảo bằng tài sản thế chấp, cầm cố hoặc có uy tín lớn.		phải cam kết đảm bảo bằng tài sản thế chấp, cầm cố hoặc có bảo lãnh của bên thứ 3 bằng tài sản.		
16	Các tài sản cầm cố, thế chấp chủ yếu là gì?	Cầm cố bằng chứng khoán, cầm cố bằng thương phiếu, thế chấp bất động sản	Cầm cố bằng thương phiếu, cầm cố bằng hàng hoá, thế chấp bất động sản.	Cầm cố bằng chứng khoán, cầm cố bằng hợp đồng thầu khoán.	A và cầm cố bằng hợp đồng thầu khoán.	C
17	Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản thì dựa vào tiêu chí nào?	Dựa vào năng lực tài chính của khách hàng	Dựa vào uy tín của khách hàng	Khả năng hoàn trả gốc và lãi đúng hạn	Sử dụng vốn vay có hiệu quả	B
18	Phát biểu nào dưới đây là chính xác nhất về khách hàng có uy tín?	Hoàn trả nợ đúng hạn	Quản trị kinh doanh có hiệu quả	Có tín nhiệm với TCTD trong sử dụng vốn vay.	Có năng lực tài chính lành mạnh, trung thực trong kinh doanh, A và B	D
19	Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại do ai quy định?	Do nhà nước quy định	Do ngân hàng trung ương quy định	Cả A và B	Do ngân hàng thương mại quy định	D
20	Những căn cứ định giá lãi cho vay nào dưới đây của khoản vay là đúng nhất?	Chi phí huy động vốn, dự phòng tổn thất rủi ro	Chi phí huy động vốn, mức vay, các phân tích về người vay vốn	Chi phí huy động vốn, mức vay, thời hạn vay	Dự phòng tổn thất, thời hạn vay, yếu tố cạnh tranh, lãi suất trên thị trường.	D